

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN DU
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:03/2017/HSST
Ngày 10/11/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN DU

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vương Hữu Trường.
2. Bà Đào Thị Thu.
- Những người tiến hành tố tụng khác tại phiên tòa:
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thành.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa :
Bà Dương Thị Mai Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 10/11/2017 tại nhà văn hóa thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 09/2017/TLST-HS ngày 26/10/2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh năm 1991(tên gọi khác: Không); Sinh trú quán: Thôn A, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; con ông: Nguyễn Văn H1, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: Có 03 tiền án: Ngày 13/8/2010 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 30 tháng tù về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ra trại ngày 20/4/2012; Ngày 18/6/2013 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 10 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Ra trại ngày 20/2/2014; Ngày 18/7/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 03 năm tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Ra trại ngày 06/04/2017. Nhân thân: Ngày 04/04/2007, bị Công an huyện T xử phạt hành chính “Cảnh cáo” về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 11/5/2009, bị Công an xã L, huyện T xử phạt hành chính “Cảnh cáo” về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 26/9/2009, bị Chủ tịch UBND xã L, huyện T áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, thời hạn 6 tháng về hành vi “ Sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 09/3/2010, bị Công an xã L, huyện T, xử phạt hành chính “Cảnh cáo” về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 04/8/2012, bị Công an xã L, huyện T xử phạt hành chính 1.000.000đ về hành vi trộm

cấp tài sản. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07/8/2017, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại:

Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1970. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

2. Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Địa chỉ: Đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Văn H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút sáng ngày 06/8/2017, tại nhà ông C, ở thôn X, xã L huyện T, H đã lợi dụng sơ hở, lén lút trộm cắp của ông C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu ghi xám, loại 16G. Tại biên bản họp và kết luận định giá tài sản ngày 09/8/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận: “ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu xám, loại 16G, đã qua sử dụng, có giá trị còn lại là 5.000.000đ”, sau khi trộm cắp được chiếc điện thoại H đã đem bán cho anh T được 3.800.000đ. Số tiền này H đã một mình ăn tiêu hết 600.000đ, còn lại 3.200.000đ giao nộp cơ quan điều tra.

Tại bản Cáo trạng số 110/CTr-VKS ngày 26/10/2017 của VKSND huyện T đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo H khai nhận: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 06/8/2017, H đi bộ từ nhà đến quán cắt tóc “H.T” của gia đình chị T1 cùng thôn để cắt tóc. Khi vào quán, thấy không có ai ở đó, H gọi nhưng không ai trả lời. Lúc này, H nhìn thấy một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu ghi xám để ở trên chiếc kệ gỗ đựng rượu, kê sát cửa phòng khách và đang cắm sạc pin. Thấy không có người quản lý tài sản, H liền đi đến nhanh tay rút chiếc điện thoại ra khỏi dây sạc, cất vào túi quần và đi ra khỏi quán, sau đó vào một cửa hàng ở gần đó cắt tóc, rồi đi về nhà.

Đến khoảng 10 giờ, H cầm theo chiếc điện thoại này đi chơi ở thị xã T, đến 15 giờ cùng ngày thì bắt xe bus đi về khu vực cổng Công ty gốm sứ L, ở phường K, thành phố B. Đến nơi, H sử dụng điện thoại di động của mình gọi điện cho anh T2 ở cùng thôn ra đón.

Khoảng 17 giờ, anh T2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave an pha màu trắng, biển kiểm soát 99C1-19600 đến đón H. Trên đường đi, H lấy chiếc điện thoại trộm cắp được của ông C ra tháo sim card và chiếc ốp lưng màu đỏ vứt đi (ở vị trí nào không nhớ

rõ) rồi nói với anh T2 là có chiếc điện thoại di động nhờ anh T2 bán hộ. Sau khi kiểm tra thấy điện thoại có mặt khẩu bảo vệ, anh T2 nói không bán được. Thấy vậy, H liền bảo anh T2 chở H xuống khu vực thị xã T, vào một cửa hàng sửa chữa điện thoại (không nhớ địa chỉ cụ thể) phá khóa mặt khẩu. Sau khi phá được khóa, anh T2 liền gọi điện cho anh T (cũng ở cùng thôn) là nhân viên sửa chữa điện thoại, để đặt vấn đề bán chiếc điện thoại và hẹn đi đến khu vực vòng xuyên đoạn Quốc lộ 38 mới thuộc địa phận thôn H, xã L, huyện T để giao dịch mua bán. Tại đây, sau khi kiểm tra điện thoại, anh T đồng ý mua với giá 4.000.000đ, nhưng mới thanh toán 3.800.000đ, còn nợ lại 200.000đ. Anh T2 nhận tiền và đưa lại toàn bộ cho H. Sau đó, H và anh T2 điều khiển xe mô tô đi xuống xã H, huyện Q.

Người bị hại là anh C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh T, chị N1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng những lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện nội dung: Anh C đã nhận lại chiếc điện thoại bị trộm cắp, còn chiếc sim và ốp lưng điện thoại không thu hồi được giá trị không lớn nên anh không yêu cầu gì về bồi thường dân sự; chị N1 đã được anh T hoàn trả đủ số tiền 4.500.000đ chị bỏ ra để mua chiếc điện thoại nên chị không yêu cầu gì; anh T được cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T xử lý vật chứng trả lại 3.200.000đ, còn lại 600.000đ do số tiền không lớn nên anh T không yêu cầu về trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện VKSND huyện T vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 BLHS. Xử phạt bị cáo H tù: 24 tháng tù đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/8/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

Vật chứng: Không có.

Bị cáo H sau khi nghe Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T trình bày lời luận tội không tranh luận về hành vi phạm tội, điều luật áp dụng mức hình phạt cũng như các vấn đề khác.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát, lời nhận tội của bị cáo và những lời khai của người bị hại, những người liên quan, tang vật có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan Cảnh sát điều tra, cũng như tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Bắc Ninh thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo có 3 tiền án, chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này bị coi là “Tái phạm nguy hiểm” là tình tiết định khung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự nên đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự như nội dung bản cáo trạng đã quy kết.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bởi đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của nhân dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do vậy cần có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo không có tiền sự nhưng có 3 tiền án và nhân thân rất xấu, bị cáo không thấy đó là bài học tu dưỡng mình mà sau khi thi hành án phạt tù xong bị cáo lại tiếp tục phạm tội, điều này thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật, khó giáo dục cải tạo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 BLHS. Bị cáo có 3 tiền án được xác định là tình tiết định khung nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Sau khi xem xét, đánh giá tính chất và mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới giúp bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh T, chị N1 không yêu cầu, đề nghị gì khác về vấn đề bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền là phù hợp.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Liên quan trong vụ án có anh Nguyễn Văn T2 đã giúp Hiếu mang chiếc điện thoại đi phá khóa mật khẩu và tìm người tiêu thụ; anh T và chị N1 là người đã mua

chiếc điện thoại mà H trộm cắp. Quá trình điều tra xác định họ đều không biết đó là tài sản do H phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý mà giáo dục, nhắc nhở là phù hợp.

Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự; Các Điều 99, Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/8/2017.

Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2/ Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

3/ Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- VKSND; TAND tỉnh B
- VKSND huyện T
- Chi cục THADS huyện T
- Công an huyện T
- Người TGTT
- Lưu HS-VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thanh Bình